

KDH

HOSE

Vốn hóa
tỷ
29,879

GTGD
tỷ/ngày
87.6

P/E
36.9

P/B
1.7

Cổ tức
0.0%

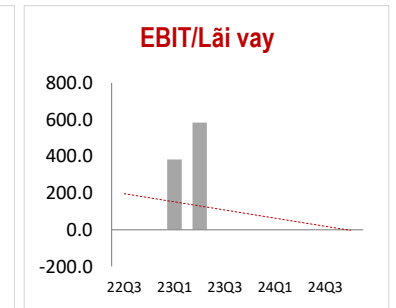
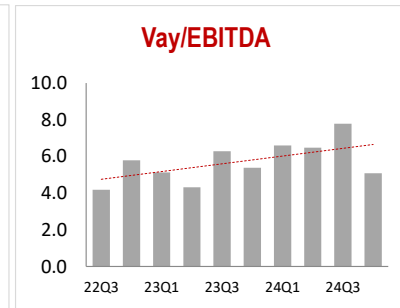
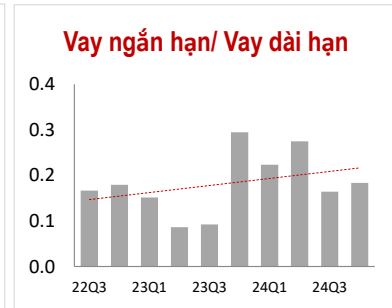
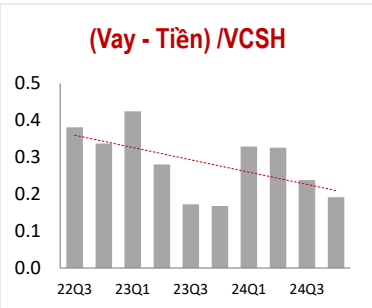
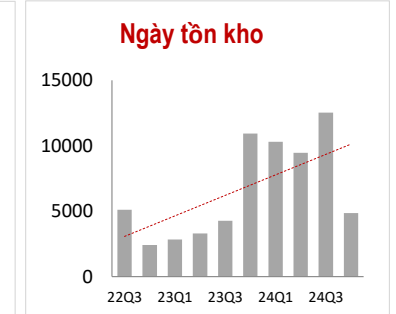
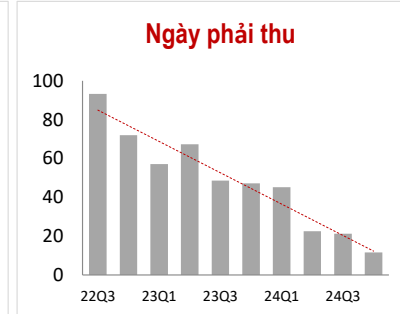
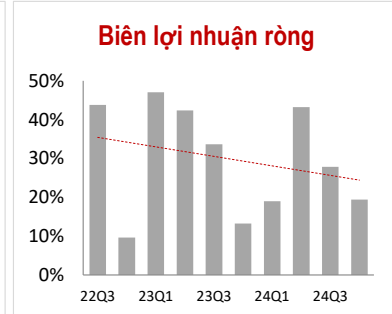
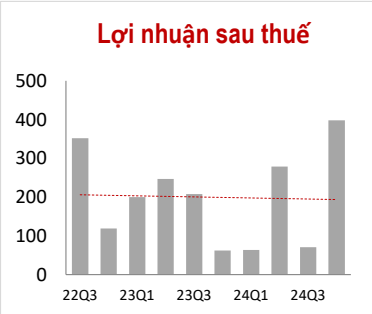
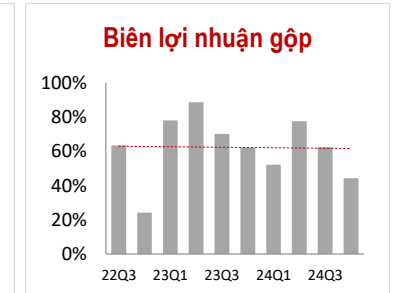
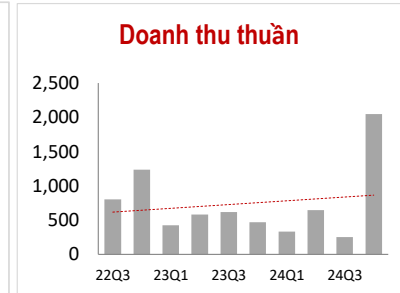
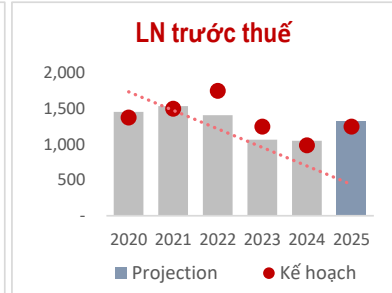
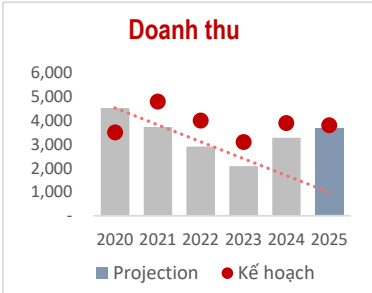
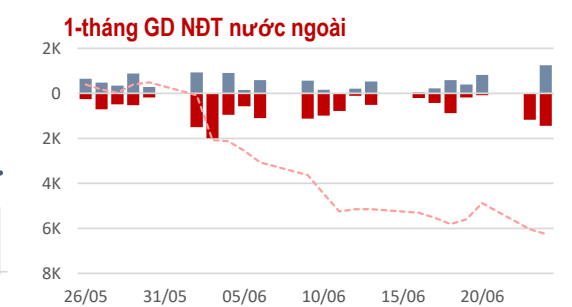
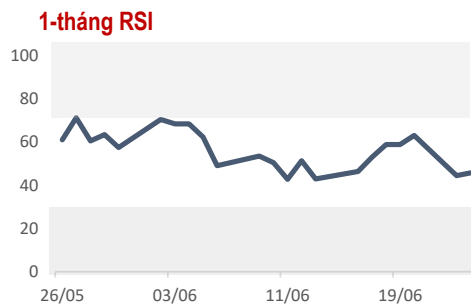
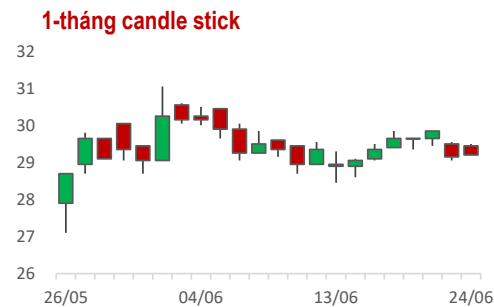
Giá
29.6

TCRating
2.5 /5

NDTN %
0

Bất Động Sản
ĐC: Phòng 1 Và 2, Lầu 11, Sài Gòn Centre,
67 Lê Lợi, Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố
Nhà nước: 0% SL CĐ 0

Nhà Khang Điền



KDH Nhà Khang Điền	HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản
		29,879	87.6	36.9	1.7	29.6	36.2 -- 24.3	2.5 /5	0	Ngày cập nhật :30/05/2025

CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH) có tiền thân là Cty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền được thành lập vào năm 2001. Cty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển và kinh doanh bất động sản nhà ở. KDH chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2007. Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của KDH là Thành phố Hồ Chí Minh với các dự án tiêu biểu như các dự án nhà thấp tầng (biệt thự, liền kề) Goldora Villa, Mega Ruby, Mega Village, The Venica, Lucasta và dự án căn hộ Jamila. KDH được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2010.

Năm - VNDbn	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	Ng. chốt	Năm	Cổ tức	Đợt
SL Cổ phiếu (tr)	579	643	717	799	1,011	1,011	1,011	1,011	1,011	1,011	19/08/2020	2019	5%	Cả năm
PE	17.6	32.2	20.1	40.3	45.0	30.3	24.6	19.6	15.9	12.7	11/06/2019	2018	5%	Cả năm
EPS (đ/cp)	1,140	1,189	1,091	708	801	975	1,200	1,510	1,861	2,329	21/09/2018	2017	5%	Cả năm
PB	2.5	3.8	1.9	2.1	2.1	1.6	1.6	1.5	1.4	1.3	19/09/2017	2016	10%	Cả năm
BVPS (đ/cp)	8,038	10,073	11,430	13,303	17,203	18,178	19,018	20,075	21,378	23,008	28/10/2015	2015	8%	Đợt 1
EV/EBITDA	12.7	21.7	31.3	26.6	25.1	25.4	20.3	16.2	12.9	10.3	20/09/2016	2015	7%	Đợt 2
ROE	14%	13%	10%	6%	5%	6%	6%	8%	9%	10%				
Biên LN gộp	47%	48%	50%	76%	53%	51%	51%	51%	51%	51%	Vị thế doanh nghiệp Cty hiện đang sở hữu quỹ đất hơn 500 ha tại Thành phố Thủ Đức và khu vực Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh (Bình Chánh, Bình Tân). KDH đã khẳng định vị thế trên thị trường Bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt trong phân khúc nhà ở thấp tầng trong các khu compound với các dự án tiêu biểu như dự án khu biệt thự Goldora Villa, Mega Ruby, Mega Village, The Venica, Lucasta. Bên cạnh sản phẩm biệt thự và nhà liền kề, Cty mở rộng đầu tư và phát triển các dự án căn hộ cao tầng như Jamila, Sapphira, Hermosa. Ngoài các dự án bất động sản dân cư, KDH còn sở hữu Khu công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân với quy mô 116ha nằm tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ lấp đầy hiện đạt mức 100%.			
Biên LN hoạt động	34%	38%	37%	58%	40%	35%	35%	35%	35%	35%				
Biên LN ròng	25%	32%	38%	34%	25%	27%	26%	26%	26%	26%				
Doanh thu/Tài sản	0.3	0.3	0.2	0.1	0.1	0.1	0.1	0.2	0.2	0.2				
(Vay - Tiền)/VCSH	0.0	0.1	0.3	0.2	0.2	0.2	0.2	0.3	0.2	0.2				
Vay NH/Vay DH	0.7	0.5	0.2	0.3	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2				
EBIT/Lãi vay		88.3	114.0											
Vay/EBITDA	1.2	1.6	5.8	5.4	5.1	5.4	4.3	3.5	2.8	2.2				
Ngày phải thu	61	70	67	42	13	17	17	17	17	17				
Ngày tồn kho	1,118	1,414	2,536	11,377	4,858	4,500	3,900	3,500	3,000	2,600				
Capex/TSCĐ	45%	56%	44%	98%	39%	46%	45%	32%	33%	32%				
Doanh thu thuần	4,532	3,738	2,912	2,088	3,279	3,705	4,631	5,789	7,236	9,045				
% tăng trưởng		-18%	-22%	-28%	57%	13%	25%	25%	25%	25%				
EBITDA	1,551	1,418	810	1,215	1,321	1,309	1,640	2,052	2,568	3,212				
Lợi nhuận sau thuế	1,153	1,202	1,103	716	810	986	1,213	1,527	1,881	2,355				
% tăng trưởng		4%	-8%	-35%	13%	22%	23%	26%	23%	25%				
Tiền & ĐT NH	1,836	1,435	2,796	3,738	3,372	3,809	2,009	1,207	2,111	1,604				
Phải thu KH	755	671	405	73	166	188	235	293	367	458				
Hàng tồn kho	7,338	7,733	12,453	18,787	22,178	22,584	25,908	28,490	29,794	33,347				
Tổng tài sản	14,028	14,373	21,539	26,481	30,758	32,095	34,248	36,690	39,703	43,696				
Vay ngắn hạn	787	815	1,195	1,444	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100				
Vay dài hạn	1,058	1,738	5,576	4,901	5,998	5,998	5,998	5,998	5,998	5,998				
Tổng vay	1,845	2,552	6,771	6,346	7,098	7,098	7,098	7,098	7,098	7,098				
Tổng nợ	5,870	4,151	9,745	10,958	11,304	11,655	12,959	14,332	16,028	18,373				
Vốn CSH	8,158	10,221	11,795	15,523	19,453	20,439	21,289	22,358	23,675	25,323				
Cân đối vốn TDH	8,782	11,167	17,003	19,391	24,661	25,634	26,562	27,802	29,300	31,170				
Free CashFlow	87	-1,493	-628	-433	-2,759	282	-1,764	-754	957	-441				

Cổ đông lớn	Công ty con	Peers	Vốn hóa	PE	PB	ROE	Biên LNR	Vay/VSH	Div.Yld%
m Opportunity Fund Ltd. (13.9%)	(100%) Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản	KDH	29,879	36.9	1.7	5%	25%	0.4	0%
ty CP Đầu Tư Tiên Lộc (11.3%)	(100%) Công Ty TNHH Tư Vấn Quốc Tế	Top 100	29,397	15.1	1.7	13%	20%	1.4	0%
TNHH Đầu tư Tiên Lộc (11.1%)	(100%) Công Ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh	Ngành	29,349	26.2	1.4	21%	30%	0.5	0%
Tư Vấn Đầu Tư Gam Ma (8.8%)	(100%) Đầu Tư Kinh Doanh Địa Ốc Gia	VIC	366,307	34.8	2.5	8%	2%	4.2	0%
Đầu Tư Thương Mại Á Âu (8.7%)	(100%) Công Ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh	VHM	317,503	10.0	1.5	17%	34%	1.5	0%
Vietnam Enterprise Limited (6.1%)	(100%) Công Ty TNHH Đầu Tư Thành Phố	BCM	63,653	26.2	3.2	13%	42%	1.8	0%
Khác (40.1%)	(100%) Đầu Tư Và Kinh Doanh Địa Ốc	KDH	29,879	33.0	1.7	5%	23%	0.5	0%

KDH	HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản			
										https://www.khangdien.com.vn			
										Năm TL	2015	SL NV	262
Nhà Khang Điền		29,879	87.6	36.9	1.7	29.6	36.2 - 24.3	2.5 /s	0				
Quý - VNDbn	2022Q3	2022Q4	2023Q1	2023Q2	2023Q3	2023Q4	2024Q1	2024Q2	2024Q3	2024Q4	Tên & chức vụ		Sở hữu
Thông số cơ bản											Lý Điền Sơn		1.6%
Biên LN gộp	63%	24%	78%	89%	70%	62%	52%	78%	62%	44%	Mai Trần Thanh Trang		2.7%
Biên LN hoạt động	52%	16%	62%	77%	51%	38%	35%	66%	36%	33%	David Robert Henry (TV HĐQT)		0.0%
Biên LN ròng	44%	10%	47%	42%	34%	13%	19%	43%	28%	19%	Nguyễn Đình Bảo		0.0%
ROE	13%	10%	9%	8%	6%	6%	5%	5%	3%	5%	Nguyễn Thị Diệu Phương (TV HĐQT)		0.0%
(Vay - Tiền)/VCSH	0.4	0.3	0.4	0.3	0.2	0.2	0.3	0.3	0.2	0.2	Nguyễn Minh Hải (TV HĐQT)		0.0%
Tổng nợ/VCSH	0.8	0.8	0.8	0.7	0.5	0.7	0.7	0.8	0.7	0.6	Nguyễn Minh Hải (PTổng Giám đốc)		0.0%
Vay NH/Vay DH	0.2	0.2	0.2	0.1	0.1	0.3	0.2	0.3	0.2	0.2	Nguyễn Trung Kiên (PTổng Giám c		0.0%
EBIT/Lãi vay			382.7	584.1							Tô Quang Tùng (TBan KS)		0.0%
Vay/EBITDA	4.2	5.8	5.1	4.3	6.3	5.4	6.6	6.5	7.8	5.1	Trần Đức Thắng (Ban KS)		0.0%
Tài sản NH/Nợ Nhận	7.0	6.0	7.3	6.0	7.5	4.6	5.5	4.9	6.1	6.9	Cty kiểm toán		Năm
Ngày phải thu	93	72	57	67	49	47	45	22	21	12	PWC VIỆT NAM		2024
Ngày tồn kho	5117	2410	2827	3295	4264	10941	10301	9456	12526	4858	PWC VIỆT NAM		2023
Capex/Doanh thu	1%	2%	2%	19%	2%	11%	1%	4%	4%	3%	PWC VIỆT NAM		2022
Cân đối vốn TDH	17,577	17,174	17,026	17,223	18,899	19,391	20,823	21,279	24,949	24,661	PWC VIỆT NAM		2021
Kết quả kinh doanh											Tin tức		
Doanh thu thuần	803	1,234	425	582	616	469	334	645	253	2,048	•16/06/25-Thông báo thay đổi nhân sự công ty		
QoQ %		54%	-66%	37%	6%	-24%	-29%	93%	-61%	711%	•16/06/25-CBTT tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu		
YoY %					-23%	-62%	-21%	11%	-59%	336%	•14/06/25-Nhà Khang Điền sắp phát hành cổ phiếu ESOP và trả cổ tức 2024		
Giá vốn bán hàng	-293	-936	-93	-66	-184	-178	-160	-145	-95	-1,140	•13/06/25-Nghị quyết HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành ESOP		
Lợi nhuận gộp	509	298	332	516	433	292	174	500	158	908	•11/06/25-Báo cáo thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn		
Chi phí hoạt động	-94	-100	-69	-68	-120	-112	-56	-77	-67	-231	•30/05/25-Thông báo thay đổi nhân sự - Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm toán nội bộ		
LN hoạt động KD	416	199	263	448	312	180	118	423	91	677	•19/05/25-Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của tổ chức có liên quan đến Người nội bộ		
Chi phí lãi vay	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	•09/05/25-Thông báo thay đổi nhân sự - Miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng		
LN trước thuế	483	180	287	413	256	116	102	371	74	505	•06/05/25-Thông báo thay đổi nhân sự - Đơn từ nhiệm Kế toán trưởng		
LN sau thuế	352	119	200	247	208	62	63	279	70	398	•25/04/25-Nghị quyết và Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2025		
QoQ %		-66%	68%	23%	-16%	-70%	2%	340%	-75%	466%	•24/04/25-Tập đoàn Khang Điền () tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025		
YoY %					-41%	-48%	-68%	13%	-66%	540%	Giao dịch CĐ nội bộ		
Bảng cân đối kế toán											•17/10/24-CĐNB mua 1,139,000cp		
Tài sản ngắn hạn	20,490	20,601	19,721	20,696	21,802	24,720	25,487	26,762	29,855	28,844	•16/10/24-CĐNB mua 176,000cp		
Tiền & tương đương	2,711	2,752	1,476	2,022	2,334	3,730	2,535	2,562	3,295	3,096	•16/10/24-CĐNB mua 160,000cp		
Đầu tư ngắn hạn	43	44	3	4	4	9	9	19	20	277	•16/10/24-CĐNB mua 152,000cp		
Phải thu KH	654	501	427	188	107	42	70	66	90	166	•15/10/24-CĐNB mua 790,000cp		
Hàng tồn kho	12,729	12,441	12,656	12,953	17,153	18,788	20,491	21,554	22,450	22,178	•15/10/24-CĐNB mua 16,000cp		
Tài sản dài hạn	981	1,031	1,027	2,274	1,615	1,698	1,751	1,738	1,750	1,914	•14/10/24-CĐ/NLQ CĐ sáng lập mua 9,000cp		
Phải thu dài hạn	73	71	72	671	68	76	83	70	70	69	•14/10/24-CĐNB mua 770,000cp		
Tài sản cố định	83	81	79	86	84	81	80	77	75	73	•11/10/24-CĐNB mua 1,300,000cp		
Tổng tài sản	21,470	21,632	20,747	22,970	23,417	26,418	27,238	28,499	31,605	30,758	•10/10/24-CĐNB mua 11,000cp		
Tổng nợ	9,787	9,838	8,983	9,504	8,089	10,890	11,652	12,684	12,722	11,304			
Vay & nợ ngắn hạn	1,030	1,028	852	461	421	1,444	1,401	1,670	1,100	1,100			
Phải trả người bán	105	108	95	53	19	96	69	194	195	288			
Vay & nợ dài hạn	6,176	5,743	5,616	5,343	4,563	4,901	6,274	6,071	6,708	5,998			
Vốn chủ sở hữu	11,684	11,794	11,764	13,466	15,329	15,528	15,586	15,815	18,883	19,453			
Vốn điều lệ	7,168	7,168	7,168	7,168	7,168	7,993	7,993	7,993	9,094	10,111			
Lưu chuyển tiền tệ													
Từ HĐ Kinh doanh	-839	491	-1,017	169	-696	-11	-2,531	-26	-2,332	1,242			
Từ HĐ Đầu tư	550	-15	44	1,038	1,828	-84	7	-13	-2	-910			
Vay cho WC (=I+R-P)	13,278	12,833	12,988	13,088	17,241	18,733	20,491	21,426	22,345	22,056			
Capex	9	23	9	109	13	53	5	24	10	61			

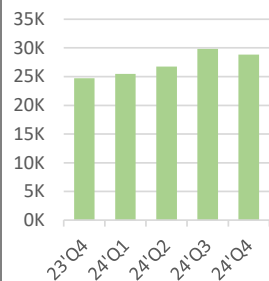


KDH	HOSE	Vốn hóa	GTGD	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NDTN %	Bất Động Sản		
		tỷ	tỷ/ngày				36.2			ĐC: Phòng 1 Và 2, Lầu 11, Sài Gòn Centre, 67		
				36.9	1.7	29.6	--	2.5 /5	0	Lê Lợi, Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí		
		29,879	87.6				24.3			Nhà nước: 0% SL CĐ 0		

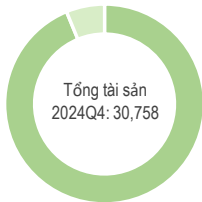
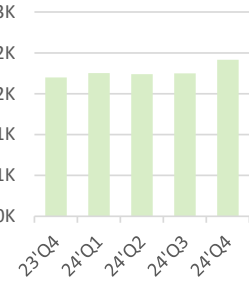
Tỷ trọng tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản ngắn hạn



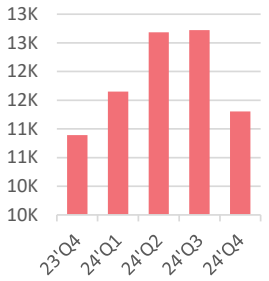
Tài sản dài hạn



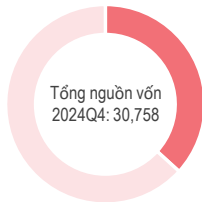
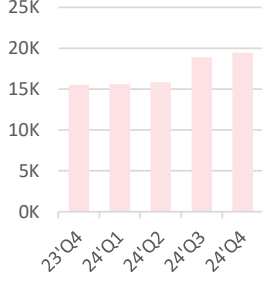
Tỷ trọng nguồn vốn

Đơn vị: tỷ đồng

Nợ phải trả

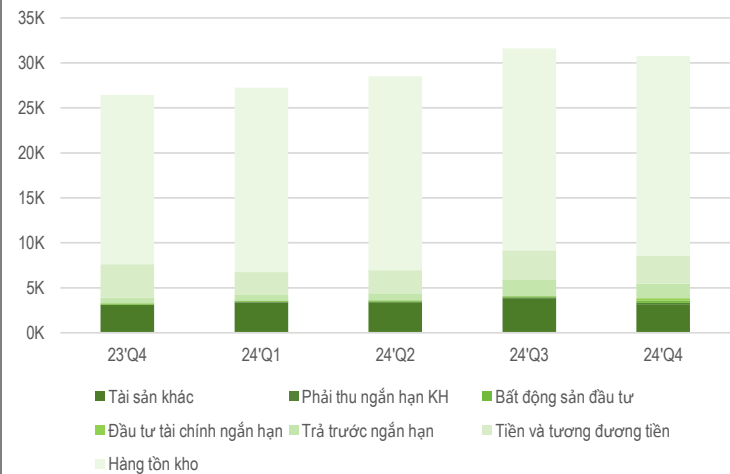


Vốn chủ sở hữu



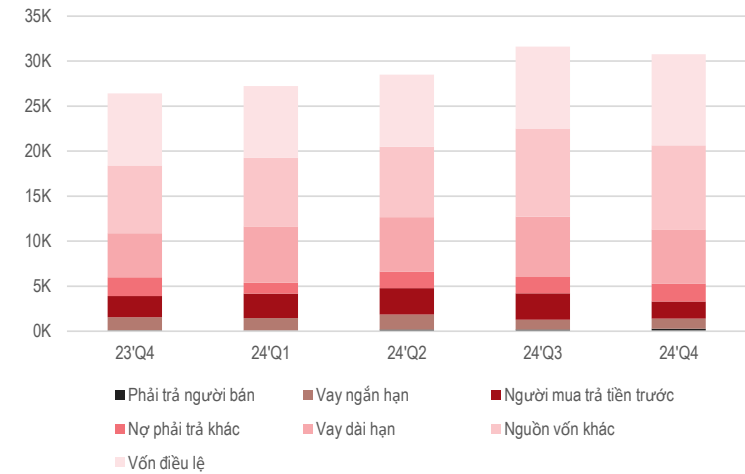
Cấu trúc tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

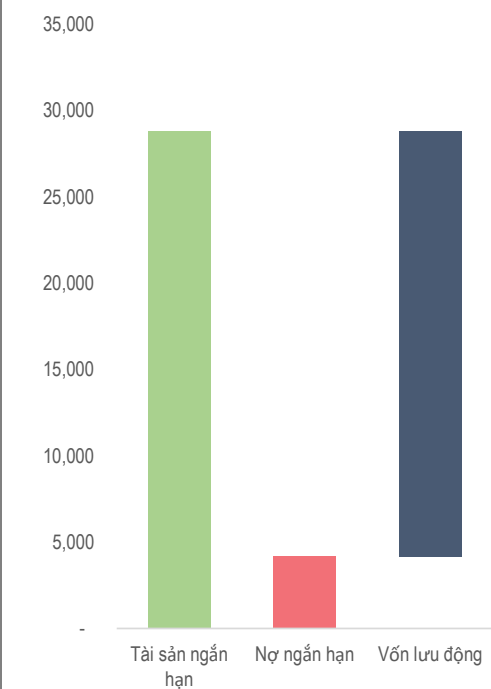


Cấu trúc nguồn vốn

Đơn vị: tỷ đồng



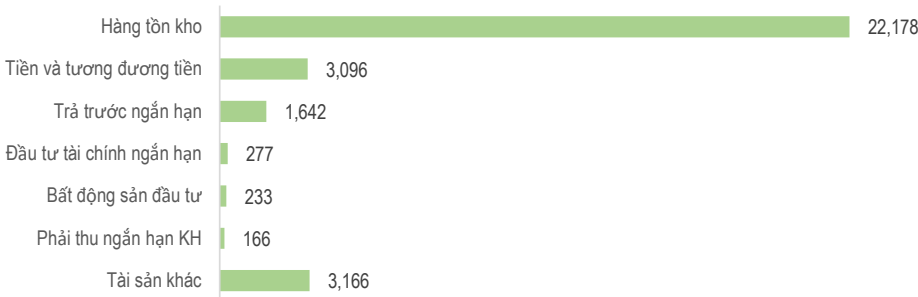
Vốn lưu động



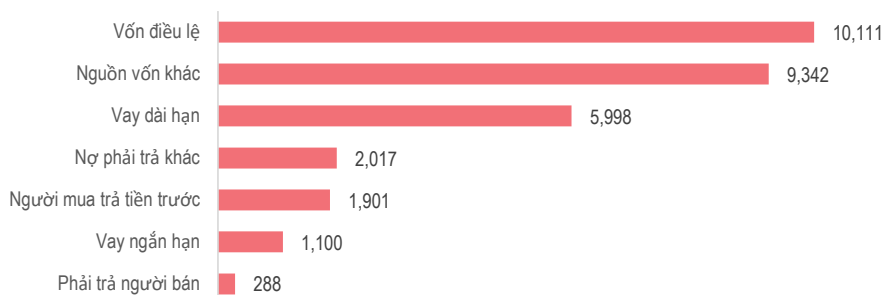
Đơn vị: tỷ đồng

Cấu trúc bảng cân đối kế toán

Tài sản



Nguồn vốn



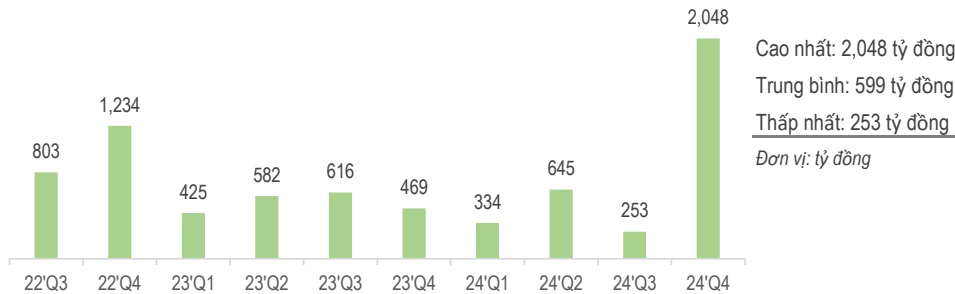
Đơn vị: tỷ đồng

KDH Nhà Khang Điền	HOSE	GTGD	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lô	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản	
		Vốn hóa tỷ	tỷ/ngày						ĐC: Phòng 1 Và 2, Lầu 11, Sài Gòn Centre, 67 Lê Lợi, Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhà nước: 0%
		29,879	87.6	36.9	1.7	29.6	36.2 -- 24.3	2.5 /5	0	SL ĐD 0

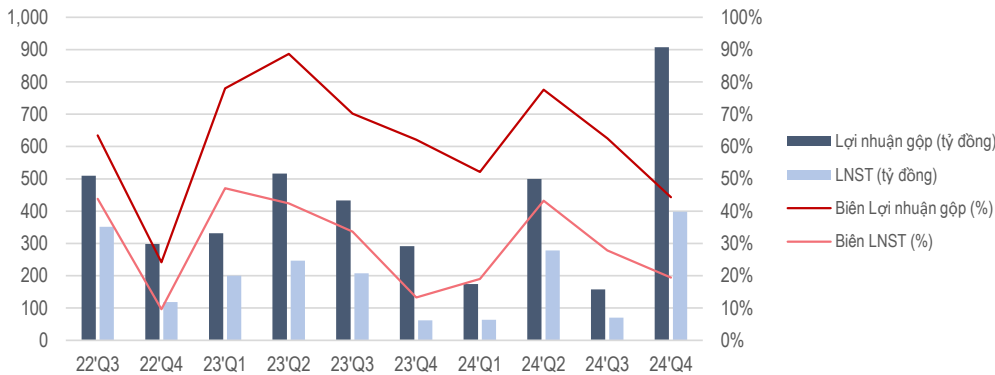
Kết quả kinh doanh lũy kế năm 2025

	Đơn vị: tỷ đồng	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	3,279	▲ 56.6%
Lợi nhuận gộp	1,740	▲ 10.6%
EBITDA	1,321	▲ 8.4%
Lợi nhuận hoạt động	1,308	▲ 8.7%
Lợi nhuận sau thuế	810	▲ 13.0%

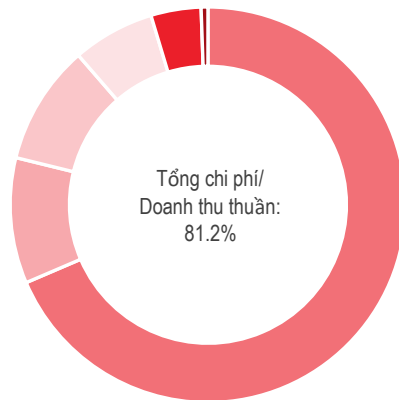
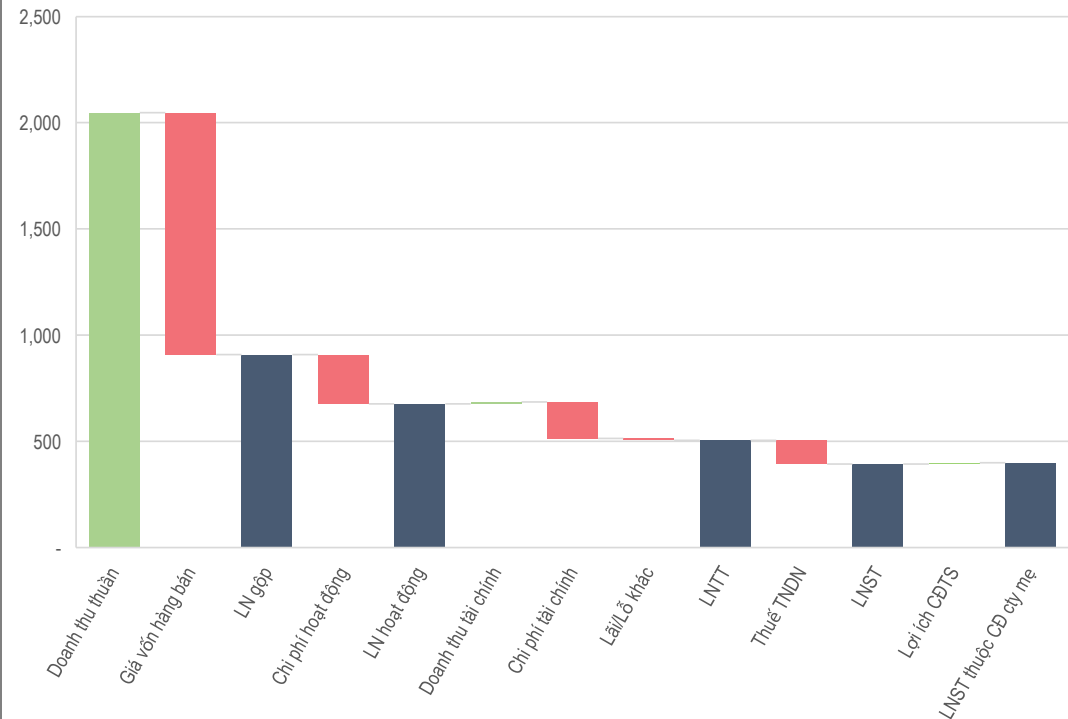
Doanh thu thuần



Hiệu quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh quý gần nhất



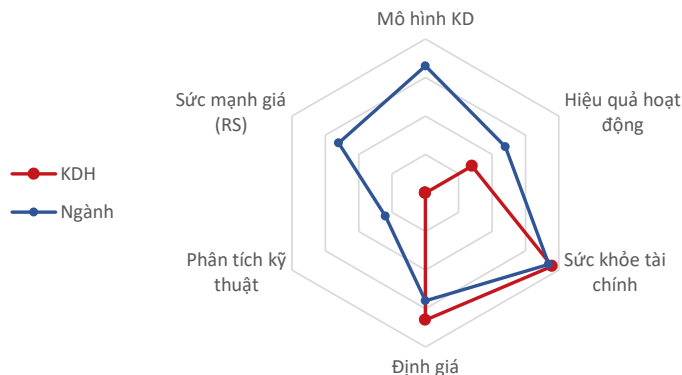
- Giá vốn hàng bán
- CP bán hàng
- CP quản lý
- CP tài chính
- Thuế TNDN
- CP khác

Đơn vị: tỷ đồng

KDH Nhà Khang Điền	HOSE	Vốn hóa	GTGD	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NDTNN %	Bất Động Sản			
		tỷ	tỷ/ngày				36.2				ĐC: Phòng 1 Và 2, Lầu 11, Sài Gòn Centre,		
		29,879	87.6	36.9	1.7	29.6	--	2.5 /s	0	67 Lê Lợi, Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố	Nhà nước:	0%	SL CĐ

Xếp hạng doanh nghiệp (TCRating)

	KDH	Ngành
Thay đổi giá 3 tháng	6.3%	2.8%
Thay đổi giá 1 năm	-4.8%	32.3%
Beta	-0.3	0.2
Alpha	0.0%	0.1%

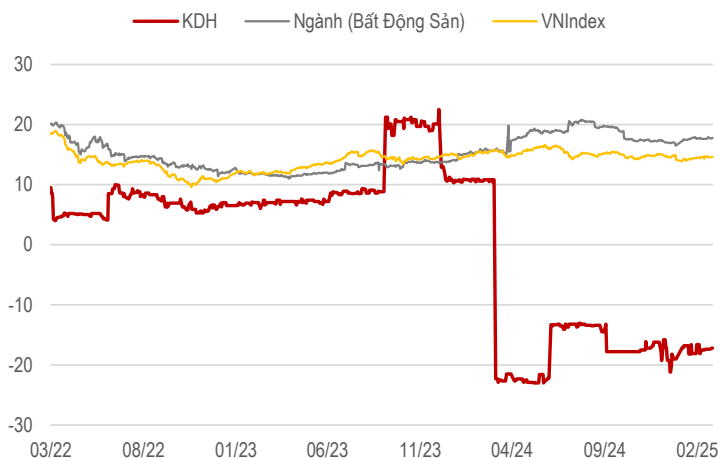


Mô hình kinh doanh	0		3.3
Hiệu quả hoạt động	1.4		2.4
Sức khỏe tài chính	3.8		3.7

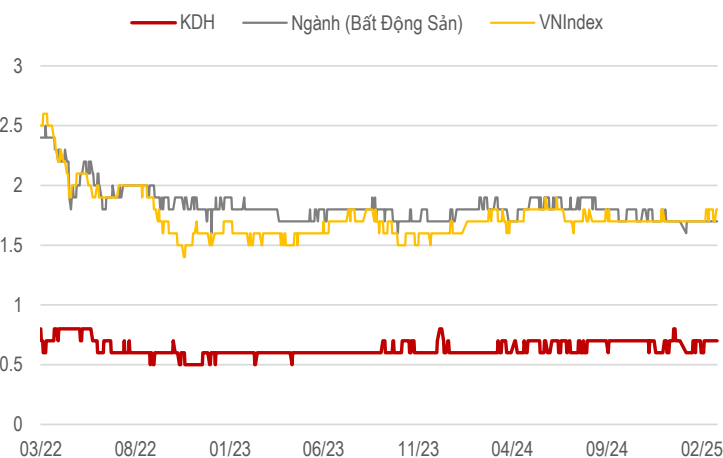
Định giá	3.3		2.8
Phân tích kỹ thuật	0		1.2
Sức mạnh giá (RS)	0		2.6

Chỉ số dinh giá

Định giá P/E (lần)



Định giá P/B (lần)



Định giá theo chỉ số cơ bản

		P/E	P/B	EV/EBITDA
Thị trường	VNIndex	14.6	1.8	20.4
Ngành	Bất Động Sản	17.8	1.7	9.7
Top 5	GAS	15.1	2.6	10.2
	REE	17.1	1.8	11.6
	POW	24.4	1.0	10.4
	DNH	23.9	4.1	16.1
	VSH	27.9	2.7	11.0
Hệ số trung bình (lần)		23.9	2.6	11.0
Tài chính công ty (đồng)		(685)	18,068	603
Giá trị CP theo từng p.p định giá (đồng)		(16,372)	46,977	6,633
Giá trị cổ phiếu (đồng)				18,619

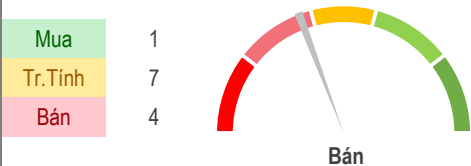
So sánh doanh nghiệp cùng ngành

Mã	Đánh giá	Giá	%	VNI 1M	KLGD	Beta	P/E
GAS	2.6	67,800	0.9%	-4%	.2M	0.6	15.1
REE	3.1	73,100	0.8%	-4%	.3M	1.2	17.1
POW	2.9	13,050	0.0%	4%	2.1M	1.3	24.4
PGV	2.2	19,800	-0.3%	-3%	.0M	0.7	-24.8
DNH	2.9	50,200	0.0%	13%	.0M	0.0	23.9
VSH	2.8	53,000	0.0%	-2%	.0M	0.0	27.9
BWE	2.5	44,700	0.2%	-3%	.0M	0.7	15.4
DTK	2.8	13,300	2.3%	0%	.0M	0.1	13.1
HND	2.6	12,900	0.8%	-1%	.0M	0.2	15.2
QTP	2.7	14,000	0.7%	-3%	.0M	0.2	9.6

KDH	HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NDTNN %	Bất Động Sản	
										ĐC: Phòng 1 Và 2, Lầu 11, Sài Gòn Centre, 67 Lê Lợi, Bến Nghé, Quận 1.	
		29,879	87.6	36.9	1.7	29.6	36.2 -- 24.3	2.5 /s	0	Nhà nước: 0%	SL CĐ 0

Tổng hợp các tín hiệu kỹ thuật, theo từng khung thời gian, bảng dưới đây giúp nhà đầu tư nhanh chóng nhận diện trạng thái lực cung (bán) và cầu (mua) hiện tại đối với cổ phiếu đang xem: Mua mạnh, Mua, Trung tính, Bán hoặc Bán mạnh.

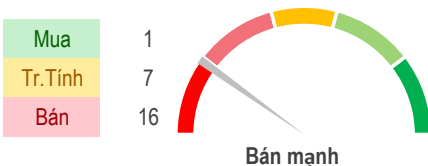
Tín hiệu kỹ thuật



Tín hiệu kỹ thuật

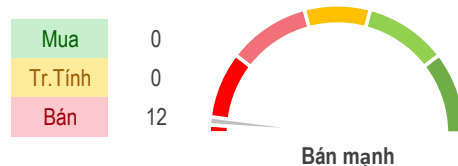
Tên	Giá trị	Lực M/B
RSI	45.0	Tr.Tính
STOCHK	80.0	Tr.Tính
STOCHRSI_FASTK	-	Bán
MACD	(0.1)	Bán
MACD Histogram	(0.1)	Bán
ADX	22.9	Tr.Tính

Tổng hợp



Tên	Giá trị	Lực M/B
WPR	(20.0)	Tr.Tính
CCI	(30.3)	Tr.Tính
ROC	(1.7)	Tr.Tính
SAR	11.9	Bán
ULTOSC	79.7	Mua
BB WIDTH	0.1	Tr.Tính

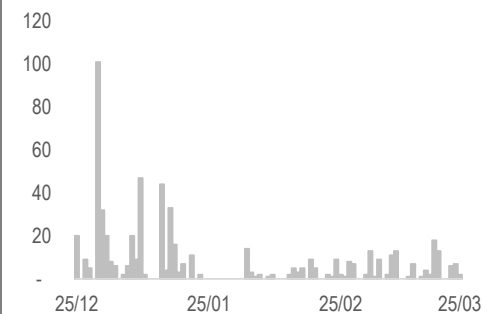
Các đường trung bình động



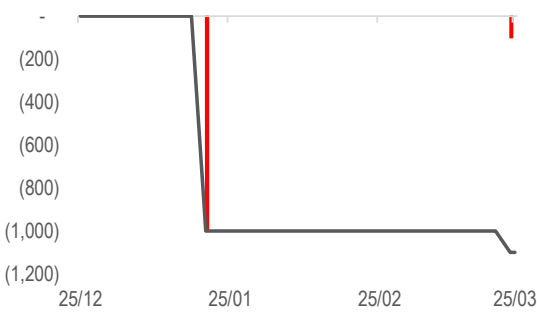
Các đường trung bình động

Tên	Hàm đơn	Hàm mũ
MA5	11.9	Bán
MA10	11.9	Bán
MA20	11.9	Bán
MA50	12.2	Bán
MA100	12.0	Bán
MA200	12.2	Bán

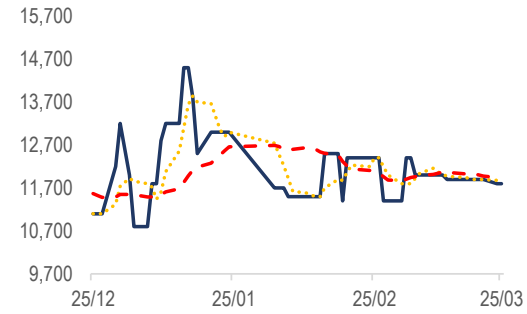
Số lượng NDT quan tâm



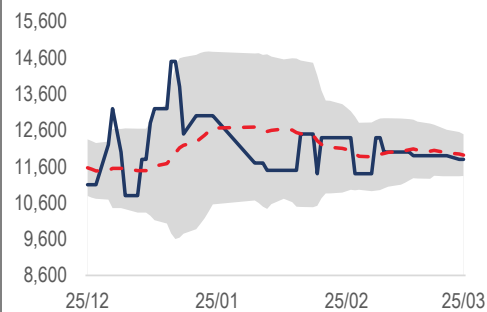
Giao dịch nước ngoài



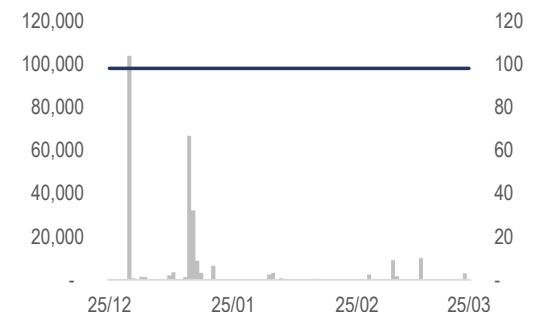
Giá vs MA(5) & MA(20)



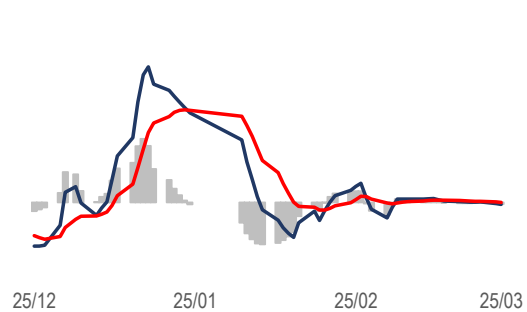
Giá vs Bollinger Band



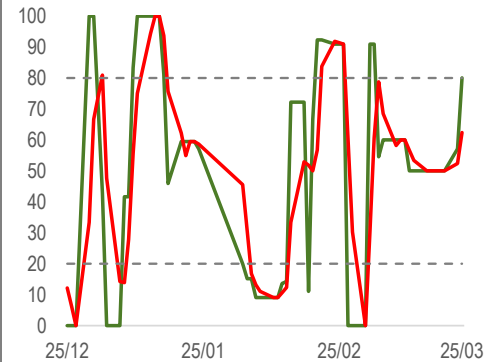
Sức mạnh giá (RS) & KLGD



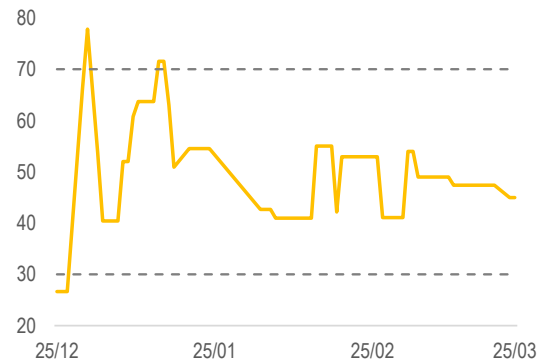
MACD



STOCH(14,3)



RSI(14)



ADX(14)

